



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

In hai mặt

Xin lưu ý rằng những thẻ học này được thiết kế để in hai mặt. Nếu máy in của bạn không thể in hai mặt, vui lòng tải xuống các tệp PDF thẻ học đơn để in.

tôi

bạn
đại từ

anh ấy

cô ấy

nó

chúng tôi / chúng ta

các bạn

họ

cái gì

ai

ở đâu

tại sao

làm sao

cái nào

lúc nào

sau đó

nếu

thật sự

nhưng

bởi vì

không

ő

te

én

mi

ez/az

ő

mi

ők

ti

miért

hol

ki

mikor

melyik

hogyan

igazán

ha

akkor

nem

mert

de

này

Tôi cần cái này

Cái này giá bao nhiêu?

đó
vật

tất cả

hoặc

và

biết

Tôi biết

Tôi không biết

nghĩ

đến

đặt

lấy

tìm

nghe

làm việc

nói chuyện

cho

thích

giúp đỡ

Ez mennyibe kerül?

Szükségem van erre

ez

vagy

minden

az

Tudom

tudni
tud, tudni, tudott

és

jönni
jön, jönni, jött

gondolkodni
gondolkodik, gondolkodni,
gondolkodott

Nem tudom

találni
talál, találni, talált

vinni
visz, vinni, vitt

rakni
rak, rakni, rakott

beszélni
beszél, beszélni, beszélt

dolgozni
dolgozik, dolgozni, dolgozott

hallgatni
hallgat, hallgatni, hallgatott

segíteni
segít, segíteni, segített

kedvelni
kedvel, kedvelni, kedvelt

adni
ad, adni, adott

yêu

gọi

chờ đợi

Tôi thích bạn

Tôi không thích cái này

Bạn có yêu tôi không?

Tôi yêu bạn

0

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

11

12

13

várni
vár, várni, várt

felhívni
felhív, felhívni, felhívott

szeretni
szeret, szeretni, szeretett

Szeretsz engem?

Ez nem tetszik

Kedvellek

egy

nulla

Szeretlek

négy

három

kettő

hét

hat

öt

tíz

kilenc

nyolc

tizenhárom

tizenkettő

tizenegy

14

15

16

17

18

19

20

mới

cũ

ít

nhiều

bao nhiêu?
đại cương

bao nhiêu?
số

sai

chính xác

xấu

tốt

hạnh phúc

ngắn

dài

nhỏ

tizenhat

tizenöt

tizennégy

tizenkilenc

tizennyolc

tizenhét

régi

új

húsz

mennyi?

sok

kevés

helyes

helytelen

hány?

boldog

jó

rossz

kicsi

hosszú

rövid

lớn
to

đó
địa điểm

đây

phải

trái

xinh đẹp

trẻ

già

xin chào

hẹn gặp lại

được

bảo trọng nhé

đừng lo

tất nhiên

chúc ngày tốt lành

chào

bái bai

tạm biệt

xin làm phiền

xin lỗi

cảm ơn bạn

itt

ott

nagy

szép

bal

jobb

helló

öreg

fiatal

vigyázz magadra

rendben

majd még találkozunk

jó napot

persze

ne aggódj

viszontlátásra

viszlát

szia

köszönöm

sajnálom

elnézést

làm ơn

Tôi muốn cái này

bây giờ

buổi chiều

buổi sáng
9:00-11:00

ban đêm

buổi sáng
6:00-9:00

buổi tối

buổi trưa

nửa đêm

giờ

phút

giây

ngày

tuần

tháng

năm

thời gian

ngày tháng

ngày hôm kia

hôm qua

most

akarom ezt

kérem

éjjel

éjjel, éjjelt, éjjelek, éjjele

délelőtt

délelőtt, délelőttöt, délelőttök,
délelőttje

délután

délután, délutánt, délutánok,
délutánja

dél

dél, delet, delek, dele

este

este, estét, esték, estéje

reggel

reggel, reggelt, reggelek, reggele

perc

perc, percet, percek, perce

óra

óra, órát, órák, órája

éjfél

éjfél, éjfél, éjfélek, éjfélje

hét

hét, hetet, hetek, hete

nap

nap, napot, napok, napja

másodperc

másodperc, másodpercet,
másodpercek, másodperce

idő

idő, időt, idők, ideje

év

év, évet, évek, éve

hónap

hónap, hónapot, hónapok, hónapja

tegnap

tegnapelőtt

dátum

dátum, dátumot, dátumok, dátuma

hôm nay

ngày mai

ngày kia

thứ hai
ngày

thứ ba
ngày

thứ tư
ngày

thứ năm

thứ sáu

thứ bảy

chủ nhật

Ngày mai là thứ bảy

cuộc đời

đàn bà

đàn ông

tình yêu

bạn trai

bạn gái

bạn
danh từ

hôn
danh từ

tình dục

trẻ em

holnapután

holnap

ma

szerda

szerda, szerdát, szerdák, szerdája

kedd

kedd, keddet, keddek, keddje

hétfő

hétfő, hétfőt, hétfők, hétfője

szombat

szombat, szombatot, szombatok,
szombatja

péntek

péntek, pénteket, péntekes,
péntekje

csütörtök

csütörtök, csütörtököt, csütörtökök,
csütörtökje

élet

élet, életet, életek, élete

Holnap szombat

vasárnap

vasárnap, vasárnapot, vasárnapok,
vasárnapja

szeretet

szeretet, szeretetet, szeretetek,
szeretete

férfi

férfi, férfit, férfiak, férfia

nő

nő, nőt, nők, nője

barát

barát, barátot, barátok, barátja

barátnő

barátnő, barátnőt, barátnők,
barátnője

barát

barát, barátot, barátok, barátja

gyermek

gyermek, gyermeket, gyermekek,
gyermeke

szex

szex, szexet, szexek, szexe

csók

csók, csókot, csókok, csókja

em bé

con gái
đại cường

con trai
đại cường

mẹ

ba

má
mẹ

cha

cha mẹ

con trai
gia đình

con gái
gia đình

em gái

em trai

chị gái

anh trai

đứng

ngồi

nằm xuống

đóng

mở
cửa

thua

thắng

fiú

fiú, fiút, fiúk, fiúja

lány

lány, lányt, lányok, lánya

kisbaba

kisbaba, kisbabát, kisbabák,
kisbabája

anya

anya, anyát, anyák, anyja

apu

apu, aput, apuk, apja

anyu

anyu, anyut, anyuk, anyuja

fiú

fiú, fiút, fiúk, fiúja

szülők

szülő, szülőt, szülők, szüleje

apa

apa, apát, apák, apja

öcs

öcs, öccsét, öcsök, öccse

húg

húg, húgot, húgok, húga

lány

lány, lányt, lányok, lánya

állni

áll, állni, állt

báty

báty, bátyát, bátyák, bátyja

nővér

nővér, nővért, nővérek, nővére

zárni

zár, zárni, zárt

feküdni

fekszik, feküdni, feküdt

ülni

ül, ülni, ült

nyerni

nyer, nyerni, nyert

veszíteni

veszít, veszíteni, veszített

nyitni

nyit, nyitni, nyitott

chết

sống
động từ

bật

tắt

giết

làm bị thương

chạm

xem

uống

ăn

đi bộ

gặp

đặt cược

hôn
động từ

đi theo

cười

trả lời

hỏi

câu hỏi

công ty

kinh doanh

bekapcsolni

bekapcsol, bekapcsolni, bekapcsolt

élni

él, élni, élt

meghalni

meghal, meghalni, meghalt

megsérülni

megsérül, megsérülni, megsérült

ölni

öl, ölni, ölt

kikapcsolni

kikapcsol, kikapcsolni, kikapcsolt

inni

iszik, inni, ivott

nézni

néz, nézni, nézett

megérinteni

megérint, megérinteni, megérintett

találkozni

találkozik, találkozni, találkozott

járni

jár, járni, járt

enni

eszik, enni, evett

követni

követ, követni, követett

csókolni

csókol, csókolni, csókolt

fogadni

fogad, fogadni, fogadott

kérdezni

kérdez, kérdezni, kérdezett

válaszolni

válaszol, válaszolni, válaszolt

házasodni

házasodik, házasodni, házasodott

üzlet

üzlet, üzletet, üzletek, üzlete

cég

cég, céget, cégek, cége

kérdés

việc làm

tiền

điện thoại

văn phòng

bác sĩ

bệnh viện

y tá

cảnh sát
người

tổng thống

màu trắng

màu đen

màu đỏ

màu xanh da trời

màu xanh lá cây

màu vàng

chậm

nhanh

vui vẻ

không công bằng

công bằng

khó

telefon

telefon, telefont, telefonok, telefonja

pénz

pénz, pénzt, pénzek, pénze

állás

állás, állást, állások, állása

kórház

kórház, kórházat, kórházak, kórháza

doktor

doktor, doktort, doktorok, doktora

iroda

iroda, irodát, irodák, irodája

elnök

elnök, elnököt, elnökök, elnöke

rendőr

rendőr, rendőrt, rendőrök, rendőre

nővér

nővér, nővért, nővérek, nővére

piros

fekete

fehér

sárga

zöld

kék

vicces

gyors

lassú

nehéz

igazságos

igazságtalan

dễ

Cái này khó

giàu

nghèo

khỏe

yếu

an toàn

mệt mỏi

tự hào

no bụng

bệnh

khỏe mạnh

tức giận

thấp
đại cương

cao
đại cương

thẳng

mỗi / mọi

luôn luôn

thực ra

lần nữa

đã

gazdag

Ez nehéz

könnyű

gyenge

erős

szegény

büszke

fáradt

biztonságos

egészséges

beteg

jóllakott

magas

alacsony

dühös

mindig

minden

egyenes

már

ismét

valójában

ít hơn

phần lớn

nhiều hơn

Tôi muốn nhiều hơn

không có

rất

động vật

con lợn

con bò

con ngựa

con chó

con cừu

con khỉ

con mèo

con gấu

con gà

con vịt

con bướm

con ong

con cá

con nhện

több

legtöbb

kevesebb

nagyon

semmi

Többet akarok

tehén

tehén, tehenet, tehenek, tehene

disznó

disznó, disznót, disznók, disznaja

állat

állat, állatot, állatok, állata

juh

juh, juhot, juhok, juha

kutya

kutya, kutyát, kutyák, kutyája

ló

ló, lovat, lovak, lova

medve

medve, medvét, medvék, medvéje

macska

macska, macskát, macskák, macskája

majom

majom, majmot, majmok, majma

pillangó

pillangó, pillangót, pillangók, pillangója

kacsa

kacsa, kacsát, kacsák, kacsája

csirke

csirke, csirkét, csirkék, csirkéje

pók

pók, pókot, pókok, pókja

hal

hal, halat, halak, hala

méh

méh, méhet, méhek, méhe

con rắn

ở ngoài

ở trong

xa

gần

bên dưới

bên trên

bên cạnh

phía trước

phía sau

ngọt

chua

lạ

mềm

cứng

đáng yêu

ngu ngốc

điên khùng

bận rộn

cao
người

thấp
người

bent

kint

kígyó
kígyó, kígyót, kígyók, kígyója

alul

közel

messze

elől

mellett

felett

savanyú

édes

hátsó

kemény

puha

furcsa

őrült

hülye

aranyos

alacsony

magas

elfoglalt

lo lắng

ngạc nhiên

ngẫu

cư xử tốt

ác độc

khéo léo

lạnh

nóng

đầu

mũi

tóc

miệng

tai

mắt

bàn tay

bàn chân

tim

não

kéo

đẩy

ấn

higgadt

meglepődött

aggódó

okos

gonosz

illedelmes

fej

fej, fejet, fejek, feje

forró

hideg

száj

száj, szájat, szájak, szája

haj

haj, haját, hajak, haja

orr

orr, orrot, orrok, orra

kéz

kéz, kezét, kezek, keze

szem

szem, szemét, szemek, szeme

fül

fül, fület, fülek, füle

agy

agy, agyat, agyak, agya

szív

szív, szívet, szívek, szíve

lábfej

lábfej, lábfejet, lábfejek, lábfeje

megnyomni

megnyom, megnyomni, megnyomott

tolni

tol, tolni, tolt

húzni

húz, húzni, húzott

đánh

bắt

chiến đấu

ném

chạy
động từ

đọc

viết

sửa chữa

đếm

cắt

bán

mua

trả

học

mơ

ngủ

chơi

ăn mừng

nghỉ ngơi

thưởng thức

dọn dẹp

harcolni

harcol, harcolni, harcolt

elkapni

elkap, elkapni, elkapott

megütni

megüt, megütni, megütött

olvasni

olvas, olvasni, olvasott

futni

fut, futni, futott

dobni

dob, dobni, dobott

számolni

számol, számolni, számolt

megjavítani

megjavít, megjavítani, megjavított

írni

ír, írni, írt

vásárolni

vásárol, vásárolni, vásárolt

eladni

elad, eladni, eladott

vágni

vág, vágni, vágott

álmodni

álmodik, álmodni, álmodott

tanulni

tanul, tanulni, tanult

fizetni

fizet, fizetni, fizetett

ünnepelni

ünnepel, ünnepelni, ünnepelt

játszani

játszik, játszani, játszott

aludni

alszik, aludni, aludt

tisztítani

tisztít, tisztítani, tisztított

élni

élvez, élvezni, élvezett

pihenni

pihen, pihenni, pihent

trường học

nhà ở

cửa

chồng

vợ

đám cưới

người

xe hơi

nhà

thành phố

số

21

22

26

30

31

33

37

40

41

44

ajtó

ajtó, ajtót, ajtók, ajtaja

ház

ház, házat, házak, háza

iskola

iskola, iskolát, iskolák, iskolája

esküvő

esküvő, esküvőt, esküvők, esküvője

feleség

feleség, feleséget, feleségek,
felesége

férj

férj, férjet, férjek, férje

otthon

otthon, otthont, otthonok, otthona

autó

autó, autót, autók, autója

személy

személy, személyt, személyek,
személye

huszonegy

szám

szám, számot, számok, száma

város

város, várost, városok, városa

harminc

huszonhat

huszonkettő

harminchét

harminchárom

harmincegy

negyvennégy

negyvenegy

negyven

48

50

51

55

59

60

61

62

66

70

71

73

77

80

81

84

88

90

91

95

99

ötvenegy

ötven

negyvennyolc

hatvan

ötvenkilenc

ötvenöt

hatvanhat

hatvankettő

hatvanegy

hetvenhárom

hetvenegy

hetven

nyolcvanegy

nyolcvan

hetvenhét

kilencven

nyolcvannyolc

nyolcvannégy

kilencvenkilenc

kilencvenöt

kilencvenegy

100

1000

10.000

100.000

1.000.000

con chó của tôi

con mèo của bạn

váy của cô ấy

xe của anh ấy

quả bóng của nó

nhà của chúng tôi

đội của bạn

công ty của họ

mọi người

cùng nhau

khác

không thành vấn đề

chúc mừng

thư giãn đi

tôi đồng ý

chào mừng

tízezer

ezer

száz

az én kutyám

egymillió

százezer

az ő autója

az ő ruhája

a te macskád

a ti csapatotok

a mi otthonunk

az ő labdája

együtt

mindenki

az ő cégük

egészségedre

nem számít

más

isten hozta

egyetértetek

nyugi

không phải lo

rễ phải

rễ trái

đi thẳng

Hãy đi với tôi

trúng

phô mai

sữa

cá

thịt

rau

trái cây

xương
món ăn

dầu

bánh mì

đường
món ăn

sô cô la

kẹo

bánh bông lan

đồ uống

nước

fordulj balra

fordulj jobbra

semmi gond

tojás

tojás, tojást, tojások, tojása

gyere velem

menj egyenesen

hal

hal, halat, halak, hala

tej

tej, tejet, tejek, teje

sajt

sajt, sajtot, sajtok, sajtja

gyümölcs

gyümölcs, gyümölcsöt, gyümölcsök, gyümölcse

zöldség

zöldség, zöldséget, zöldségek, zöldsége

hús

hús, húst, húsok, húsa

kenyér

kenyér, kenyeret, kenyerek, kenyere

olaj

olaj, olajat, olajok, olaja

csont

csont, csontot, csontok, csontja

cukorka

cukorka, cukorkát, cukorkák, cukorkája

csokoládé

csokoládé, csokoládét, csokoládék, csokoládéja

cukor

cukor, cukrot, cukrok, cukra

víz

víz, vizet, vizek, vize

ital

ital, italt, italok, itala

torta

torta, tortát, torták, tortája

nước soda

cà phê

trà

bia

rượu nho

sa lát

súp

món tráng miệng

bữa ăn sáng

bữa trưa

bữa tối

pizza

xe buýt

xe lửa

ga xe lửa

trạm dừng xe buýt

máy bay

tàu

xe tải

xe đạp

xe mô tô

tea

tea, teát, teák, teája

kávé

kávé, kávét, kávék, kávéja

ásványvíz

ásványvíz, ásványvizet, ásványvizek,
ásványvize

saláta

saláta, salátát, saláták, salátája

bor

bor, bort, borok, bora

sör

sör, sört, sörök, söre

reggeli

reggeli, reggelit, reggelik, reggelije

desszert

desszert, desszertet, desszertek,
desszertje

leves

leves, levest, levesek, levese

pizza

pizza, pizzát, pizzák, pizzája

vacsora

vacsora, vacsorát, vacsorák,
vacsorája

ebéd

ebéd, ebédet, ebédek, ebédje

vasútállomás

vasútállomás, vasútállomást,
vasútállomások, vasútállomása

vonat

vonat, vonatot, vonatok, vonata

busz

busz, buszt, buszok, busza

hajó

hajó, hajót, hajók, hajója

repülő

repülő, repülőt, repülők, repülője

buszmegálló

buszmegálló, buszmegállót,
buszmegállók, buszmegállója

motorbicikli

motorbicikli, motorbiciklit,
motorbiciklik, motorbiciklije

bicikli

bicikli, biciklit, biciklik, biciklije

teherautó

teherautó, teherautót, teherautók,
teherautója

xe taxi

đèn giao thông

bãi đậu xe

đường
xe hơi

quần áo

giày dép

áo choàng

áo len

áo sơ mi

áo khoác

áo phộc

quần dài

đầm

áo phông

bít tất

áo ngực

quần lót

kính

túi xách

ví tiền

ví

parkoló

parkoló, parkolót, parkolók, parkolója

közlekedési lámpa

lámpa, lámpát, lámpák, lámpája

taxi

taxi, taxit, taxik, taxija

cipő

cipő, cipőt, cipők, cipője

ruházat

ruházat, ruházatot, ruházatok,
ruházata

út

út, utat, utak, útja

ing

ing, inget, ingek, inge

pulóver

pulóver, pulóvert, pulóverek,
pulóvere

kabát

kabát, kabátot, kabátok, kabátja

nadrág

nadrág, nadrágot, nadrágok,
nadrágja

öltöny

öltöny, öltönyt, öltönyök, öltönye

dzseki

dzseki, dzsekit, dzsekik, dzsekije

zokni

zokni, zoknit, zoknik, zoknija

póló

póló, pólót, pólók, pólója

ruha

ruha, ruhát, ruhák, ruhája

szemüveg

szemüveg, szemüveget,
szemüvegek, szemüvege

alsónadrág

alsónadrág, alsónadrágot,
alsónadrágok, alsónadrágja

melltartó

melltartó, melltartót, melltartók,
melltartója

tárca

tárca, tárcát, tárcák, tárcája

pénztárca

pénztárca, pénztárcát, pénztárcák,
pénztárcája

kézitáska

kézitáska, kézitáskát, kézitáskák,
kézitáskája

nhấn

mũ

đồng hồ đeo tay

túi

Bạn tên gì?

Tên của tôi là David

Tôi 22 tuổi

Bạn có khoẻ không?

Bạn có ổn không?

Nhà vệ sinh ở đâu vậy?

Tôi nhớ bạn

mùa xuân

mùa hè

mùa thu

mùa đông

tháng một

tháng hai

tháng ba

tháng tư

tháng năm

tháng sáu

karóra

karóra, karórát, karórák, karórája

kalap

kalap, kalapot, kalapok, kalapja

gyűrű

gyűrű, gyűrűt, gyűrűk, gyűrűje

A nevem David

Mi a neved?

zseb

zseb, zsebet, zsebek, zsebe

Jól vagy?

Hogy vagy?

22 éves vagyok

tavas

tavas, tavaszt, tavaszok, tavasza

Hiányzol

Hol van a mosdó?

tél

tél, telet, telek, tele

ősz

ősz, őszt, őszek, ősze

nyár

nyár, nyarat, nyarak, nyara

március

március, márciust, márciusok, márciusa

február

február, februárt, februárok, februárja

január

január, januárt, januárok, januárja

június

június, júniust, júniusok, júniusa

május

május, májust, májusok, májusa

április

április, áprilist, áprilisok, áprilisa

tháng bảy

tháng tám

tháng chín

tháng mười

tháng mười một

tháng mười hai

mua sắm

hóa đơn

chợ

siêu thị

tòa nhà

căn hộ

trường đại học

nông trại

nhà thờ

nhà hàng

quán bar

phòng thể dục

công viên

nhà vệ sinh
đại cương

bản đồ

szeptember

szeptember, szeptembert,
szeptemberek, szeptembere

augusztus

augusztus, augusztust, augusztusok,
augusztusa

július

július, júliust, júliusok, július

december

december, decembert, decemberek,
decembere

november

november, novembert, novemberek,
novembere

október

október, októbert, októberek,
októbere

piac

piac, piacot, piacok, piaca

számla

számla, számlát, számlák, számlája

vásárlás

vásárlás, vásárlást, vásárlások,
vásárlása

lakás

lakás, lakást, lakások, lakása

épület

épület, épületet, épületek, épülete

szupermarket

szupermarket, szupermarketet,
szupermarketek, szupermarketje

templom

templom, templomot, templomok,
templomja

tanya

tanya, tanyát, tanyák, tanyája

egyetem

egyetem, egyetemet, egyetemek,
egyeteme

edzőterem

edzőterem, edzőtermet, edzőtermek,
edzőterme

bár

bár, bárt, bárok, bárja

étterem

étterem, éttermet, éttermek,
étterme

térkép

térkép, térképet, térképek, térképe

WC

WC, WC-t, WC-k, WC-je

park

park, parkot, parkok, parkja

xe cứu thương

cảnh sát
đại cương

súng

lính cứu hỏa
đại cương

quốc gia

ngoại ô

ngôi làng

sức khỏe

dược phẩm

tai nạn

bệnh nhân

phẫu thuật

viên thuốc

sốt

cảm lạnh

vết thương

cuộc hẹn

ho

cổ

mông

vai

pisztoly

pisztoly, pisztolyt, pisztolyok,
pisztolya

rendőrség

rendőrség, rendőrséget,
rendőrségek, rendőrsége

mentőszolgálat

mentőszolgálat, mentőszolgálatot,
mentőszolgálatok, mentőszolgálata

külváros

külváros, külvárost, külvárosok,
külvárosa

ország

ország, országot, országok, országa

tűzoltók

tűzoltó, tűzoltót, tűzoltók, tűzoltója

gyógyszer

gyógyszer, gyógyszert, gyógyszerek,
gyógyszere

egészség

egészség, egészséget, -, egészsége

falu

falu, falut, falvak, faluja

műtét

műtét, műtétet, műtétek, műtétje

beteg

beteg, beteget, betegek, betege

baleset

baleset, balesetet, balesetek,
balesete

megfázás

megfázás, megfázást, megfázások,
megfázása

láz

láz, lázat, -, láza

tabletta

tabletta, tablettát, tabletták,
tablettája

köhögés

köhögés, köhögést, köhögések,
köhögése

időpont

időpont, időpontot, időpontok,
időpontja

seb

seb, sebet, sebek, sebje

váll

váll, vállat, vállak, válla

fenék

fenék, feneket, fenekek, feneke

nyak

nyak, nyakat, nyakak, nyaka

đầu gối

chân

tay

bụng

ngực

lưng

răng

lưỡi

môi

ngón tay

ngón chân

dạ dày

phổi

gan

dây thần kinh

thận

ruột

màu sắc

màu cam

màu xám

màu nâu

kar

kar, kart, karok, karja

láb

láb, lábat, lábak, lába

térd

térd, térdet, térdek, térde

hát

hát, hátat, háta, háta

kebel

kebel, keblet, keblek, keble

has

has, hasat, hasak, hasa

ajak

ajak, ajkat, ajkak, ajka

nyelv

nyelv, nyelvet, nyelvek, nyelve

fog

fog, fogat, fogak, foga

gyomor

gyomor, gyomrot, gyomrok, gyomra

lábujj

lábujj, lábujjat, lábujjak, lábujja

ujj

ujj, ujjat, ujjak, ujjja

ideg

ideg, ideget, idegek, idege

máj

máj, májat, májak, mája

tüdő

tüdő, tüdőt, tüdők, tüdője

szín

szín, színet, színek, színe

bél

bél, belet, belek, bele

vese

vese, vesét, vesék, veséje

barna

szürke

narancs

màu hồng

nhàm chán

nặng

nhẹ

cô đơn

đói bụng

khát nước

buồn

độc

bằng phẳng

tròn

vuông

hẹp

rộng

sâu

nông

lớn
rất

bắc

đông

nam

tây

nehéz

unalmas

rózsaszín

éhes

magányos

könnyű

meredek

szomorú

szomjas

szögletes

kerek

lapos

mély

széles

szűk

észak

hatalmas

sekély

nyugat

dél

kelet

bẩn

sạch sẽ

đầy

trống rỗng

đắt

rẻ

tối

sáng

quyến rũ

lười biếng

dũng cảm

hào phóng

đẹp trai

xấu xí

ngớ ngẩn

thân thiện

tội lỗi

mù

say

ướt

khô

teli

tiszta

piszkos

olcsó

drága

üres

szexi

világos

sötét

nagylelkű

bátor

lusta

buta

csúnya

jóképű

vak

bűnös

barátságos

száraz

nedves

részeg

ấm áp

ồn ào

yên tĩnh

im lặng

nhà bếp

phòng tắm

phòng khách

phòng ngủ

vườn

gara

tường

tầng hầm

nhà vệ sinh
nhà ở

cầu thang

mái nhà

cửa sổ
tòa nhà

dao

tách

ly

đĩa

cốc

halk

hangos

meleg

fürdőszoba

fürdőszoba, fürdőszobát,
fürdőszobák, fürdőszobája

konyha

konyha, konyhát, konyhák, konyhája

csöndes

kert

kert, kertet, kertek, kertje

hálószoba

hálószoba, hálószobát, hálószobák,
hálószobája

nappali

nappali, nappalit, nappalik, nappalija

pince

pince, pincét, pincék, pincéje

fal

fal, falat, falak, fala

garázs

garázs, garázst, garázsok, garázsa

tető

tető, tetőt, tetők, teteje

lépcső

lépcső, lépcsőt, lépcsők, lépcsője

vécé

vécé, vécét, vécék, vécéje

csésze

csésze, csészét, csészek, csészéje

kés

kés, kést, kések, kése

ablak

ablak, ablakot, ablakok, ablaka

csésze

csésze, csészét, csészek, csészéje

tányér

tányér, tányért, tányérok, tányérja

pohár

pohár, poharat, poharak, pohara

thùng rác

tô

bộ tivi

bàn
văn phòng

giường

gương

vòi hoa sen

ghế sofa

ảnh

đồng hồ

bàn
nhà

ghế
nhà

hồ bơi
vườn

chuông

hàng xóm

thất bại

chọn

bắn

bình chọn

rơi xuống

bảo vệ

TV készülék

készülék, készüléket, készülékek,
készüléke

tál

tál, tálat, tálak, tála

szemetes

szemetes, szemetest, szemetesek,
szemetese

tükör

tükör, tükröt, tükrök, tükre

ágy

ágy, ágyat, ágyak, ágya

íróasztal

íróasztal, íróasztalt, íróasztalok,
íróasztala

kép

kép, képet, képek, képe

kanapé

kanapé, kanapét, kanapék, kanapéja

zuhany

zuhany, zuhanyt, zuhanyok, zuhanya

szék

szék, széket, székek, széke

asztal

asztal, asztalt, asztalok, asztala

óra

óra, órát, órák, órája

szomszéd

szomszéd, szomszédot, szomszédok,
szomszédja

csengő

csengő, csengőt, csengők, csengője

úszómedence

úszómedence, úszómedencét,
úszómedencék, úszómedencéje

lőni

lő, lőni, lőtt

választani

választ, választani, választott

megbukni

megbukik, megbukni, megbukott

megvédeni

megvéd, megvédeni, megvédett

hullani

hullik, hullani, hullott

szavazni

szavaz, szavazni, szavazott

tấn công

trộm

đốt

cứu

hút thuốc

bay

mang theo

khắc nhủ

đá
động từ

cẩn

thở

ngủi

khóc

hát

cười mỉm

cười

lớn lên

co lại

tranh luận

đe dọa

chia sẻ

égni
ég, égni, égett

lopni
lop, lopni, lopott

támadni
támad, támadni, támadt

repülni
repül, repülni, repült

dohányozni
dohányzik, dohányozni, dohányozott

megmenteni
megment, megmenteni, megmentett

rúgni
rúg, rúgni, rúgott

köpní
köp, köpní, köpött

cipelni
cipel, cipelni, cipelt

szagolni
szagol, szagolni, szagolt

lélegezni
lélegzik, lélegezni, lélegzett

harapni
harap, harapni, harapott

mosolyogni
mosolyog, mosolyogni, mosolygott

énekelni
énekel, énekelni, énekelt

sírni
sír, sírni, sírt

zsugorodni
zsugorodik, zsugorodni, zsugorodott

nőni
nő, nőni, nőtt

nevetni
nevet, nevetni, nevetett

megosztani
megoszt, megosztani, megosztott

fenyegetni
fenyeget, fenyegetni, fenyegetett

vitatkozni
vitatkozik, vitatkozni, vitatkozott

cho ăn

trốn

cảnh báo

bơi

nhảy

lăn

nâng

đào

sao chép

giao hàng

tìm kiếm

luyện tập

đi du lịch

vẽ

tắm vòi sen

mở
khóa

khóa

rửa

cầu nguyện

nấu ăn

sách

figyelmeztetni

figyelmeztet, figyelmeztetni,
figyelmeztetett

elbújni

elbújik, elbújni, elbújt

etetni

etet, etetni, etetett

gurulni

gurul, gurulni, gurult

ugrani

ugrik, ugrani, ugrott

úszni

úszik, úszni, úszott

másolni

másol, másolni, másolt

ásni

ás, ásni, ásott

emelni

emel, emelni, emelt

gyakorolni

gyakorol, gyakorolni, gyakorolt

keresni

keres, keresni, keresett

szállítani

szállít, szállítani, szállított

zuhanyozni

zuhanyozik, zuhanyozni, zuhanyozott

festeni

fest, festeni, festett

utazni

utazik, utazni, utazott

mosni

mos, mosni, mosott

bezárni

bezár, bezárni, bezárt

kinyitni

kinyit, kinyitni, kinyitott

könyv

könyv, könyvet, könyvek, könyve

főzni

főz, főzni, főzött

imádkozni

imádkozik, imádkozni, imádkozott

thư viện

bài tập về nhà

bài thi

bài học

khoa học

lịch sử

nghệ thuật

tiếng Anh

tiếng Pháp

cây bút

bút chì

3%

thứ nhất

thứ hai
2

thứ ba
3

thứ tư
4

kết quả

hình vuông

hình tròn

diện tích

nguyên cứu

vizsga

vizsga, vizsgát, vizsgák, vizsgája

házi feladat

feladat, feladatot, feladatok, feladata

könyvtár

könyvtár, könyvtárat, könyvtárak, könyvtára

történelem

történelem, történelmet, történelmek, történelme

tudomány

tudomány, tudományt, tudományok, tudománya

tanóra

tanóra, tanórát, tanórák, tanórája

francia

francia, franciát, franciák, franciája

angol

angol, angolt, angolok, angolja

művészet

művészet, művészetet, művészetek, művészete

három százalék**ceruza**

ceruza, ceruzát, ceruzák, ceruzája

toll

toll, tollat, tollak, tolla

harmadik**második****első****négyzet**

négyzet, négyzetet, négyzetek, négyzete

eredmény

eredmény, eredményt, eredmények, eredménye

negyedik**kutatás**

kutatás, kutatást, kutatások, kutatása

terület

terület, területet, területek, területe

kör

kör, kört, körök, köre

bằng cấp

cử nhân

thạc sĩ

$x < y$

$x > y$

áp lực

bảo hiểm

nhân viên
công ty

bộ phận

lương

địa chỉ

lá thư

thuyền trưởng

thám tử

phi công

giáo sư

giáo viên

luật sư

thư ký

trợ lý

thẩm phán

mesterdiploma

mesterdiploma, mesterdiplomát,
mesterdiplomák, mesterdiplomája

alapképzés

alapképzés, alapképzést,
alapképzések, alapképzése

tudományos fokozat

fokozat, fokozatot, fokozatok,
fokozata

stressz

stressz, stresszt, stresszek, stressze

x nagyobb y-nál

x kisebb y-nál

osztály

osztály, osztályt, osztályok, osztálya

alkalmazottak

alkalmazott, alkalmazottat,
alkalmazottak, alkalmazottja

biztosítás

biztosítás, biztosítást, biztosítások,
biztosítása

levél

levél, levelet, levelek, levele

cím

cím, címet, címek, címe

fizetés

fizetés, fizetést, fizetések, fizetése

pilóta

pilóta, pilótát, pilóták, pilótája

nyomozó

nyomozó, nyomozót, nyomozók,
nyomozója

kapitány

kapitány, kapitányt, kapitányok,
kapitánya

ügyvéd

ügyvéd, ügyvédet, ügyvédek,
ügyvédje

tanár

tanár, tanárt, tanárok, tanára

professzor

professzor, professzort,
professzorok, professzora

bíró

bíró, bírót, bírók, bírója

asszisztens

asszisztens, asszisztentst,
asszisztensek, asszisztense

titkárnő

titkárnő, titkárnőt, titkárnők,
titkárnője

giám đốc

quản lý

đầu bếp

tài xế taxi

tài xế xe buýt

tội phạm

người mẫu

nghệ sĩ

số điện thoại

tín hiệu

ứng dụng

trò chuyện

tập tin

url

địa chỉ email

trang mạng

thư điện tử

điện thoại di động

pháp luật

nhà tù

chứng cứ

szakács

szakács, szakácsot, szakácsok,
szakácsa

menedzser

menedzser, menedzsert,
menedzserek, menedzsere

vezérigazgató

vezérigazgató, vezérigazgatót,
vezérigazgatók, vezérigazgatója

bűnöző

bűnöző, bűnözőt, bűnözők, bűnözője

buszsofőr

buszsofőr, buszsofőrt, buszsofőrök,
buszsofőrije

taxisofőr

taxisofőr, taxisofőrt, taxisofőrök,
taxisofőrije

telefonszám

telefonszám, telefonszámot,
telefonszámok, telefonszáma

művész

művész, művészt, művészek,
művésze

modell

modell, modellt, modellek, modellje

chat

chat, chatet, chatek, chatje

alkalmazás

alkalmazás, alkalmazást,
alkalmazások, alkalmazása

térerő

térerő, térerőt, térerők, téreje

e-mail cím

cím, címet, címek, címe

url

url, url-t, url-ek, url-je

fájl

fájl, fájlt, fájlok, fájlja

mobiltelefon

mobiltelefon, mobiltelefont,
mobiltelefonok, mobiltelefonja

e-mail

e-mail, e-mailt, e-mailek, e-mailje

weboldal

weboldal, weboldalt, weboldalak,
weboldala

bizonyíték

bizonyíték, bizonyítékot,
bizonyítékok, bizonyítéka

börtön

börtön, börtönt, börtönök, börtöne

törvény

törvény, törvényt, törvények,
törvénye

tiền phạt

nhân chứng

tòa án

chữ ký

thua lỗ

lợi nhuận

khách hàng

số tiền

thẻ tín dụng

mật khẩu

máy rút tiền

bể bơi

điện

máy ảnh

đài radio

quà tặng

cái chai

cái túi

chìa khóa

búp bê

thiên thần

bíróság

bíróság, bíróságot, bíróságok,
bírósa

tanú

tanú, tanút, tanúk, tanúja

bírság

bírság, bírságot, bírságok, bírsága

nyereség

nyereség, nyereséget, nyereségek,
nyeresége

veszteség

veszteség, veszteséget,
veszteségek, vesztesége

aláírás

aláírás, aláírást, aláírások, aláírása

hitelkártya

hitelkártya, hitelkártyát, hitelkártyák,
hitelkártyája

összeg

összeg, összeget, összegek, összege

ügyfél

ügyfél, ügyfelet, ügyfelek, ügyfele

úszómedence

úszómedence, úszómedencét,
úszómedencék, úszómedencéje

bankautomata

bankautomata, bankautomatát,
bankautomaták, bankautomatája

jelszó

jelszó, jelszót, jelszavak, jelszava

rádió

rádió, rádiót, rádiók, rádiója

kamera

kamera, kamerát, kamerák,
kamerája

áram

áram, áramot, áramok, árama

szatyor

szatyor, szatyrot, szatyrok, szatyra

üveg

üveg, üveget, üvegek, üvege

ajándék

ajándék, ajándékot, ajándékok,
ajándéka

angyal

angyal, angyalt, angyalok, angyala

baba

baba, babát, babák, babája

kulcs

kulcs, kulcsot, kulcsok, kulcsa

lược

kem đánh răng

bàn chải đánh răng

dầu gội

kem thoa

khăn giấy

son môi

truyền hình

rạp chiếu phim

tin tức

ghế
rạp chiếu phim

vé

màn chiếu

âm nhạc

sân khấu

khán giả

hội họa

trò đùa

bài báo

báo chí

tạp chí

fogkefe

fogkefe, fogkefét, fogkefék,
fogkeféje

fogkrém

fogkrém, fogkrémet, fogkrémek,
fogkrémje

fésű

fésű, fésűt, fésűk, fésűje

zsebkendő

zsebkendő, zsebkendőt, zsebkendők,
zsebkendője

krém

krém, krémet, krémek, krémje

sampon

sampon, sampont, samponok,
sampona

mozi

mozi, mozit, mozik, mozija

TV

tv, tv-t, tv-ék, tv-je

rúzs

rúzs, rúzst, rúzsok, rúzsza

jegy

jegy, jegyet, jegyek, jegye

ülés

ülés, ülést, ülések, ülése

hírek

hír, hírt, hírek, híre

színpad

színpad, színpadot, színpadok,
színpada

zene

zene, zenét, zenék, zenéje

mozivászon

mozivászon, mozivászont,
mozivászonok, mozivászona

vicc

vicc, viccet, viccek, vicce

festmény

festmény, festményt, festmények,
festménye

közönség

közönség, közönséget, közönségek,
közönsége

magazin

magazin, magazint, magazinok,
magazinja

újság

újság, újságot, újságok, újságja

cikk

cikk, cikket, cikkek, cikke

quảng cáo

thiên nhiên

tro

lửa

kim cương

mặt trăng

Trái Đất

mặt trời

ngôi sao

hành tinh

vũ trụ

bờ biển
biển

hồ

rừng

sa mạc

đồi núi

đá
danh từ

con sông

thung lũng

núi

đảo

hamu

hamu, hamut, hamuk, hamuja

természet

természet, természetet,
természetek, természete

reklám

reklám, reklámot, reklámok,
reklámja

hold

hold, holdat, holdak, holdja

gyémánt

gyémánt, gyémántot, gyémántok,
gyémántja

tűz

tűz, tüzet, tűzek, tűze

csillag

csillag, csillagot, csillagok, csillaga

nap

nap, napot, napok, napja

Föld

Föld, Földet, Földek, Földje

tengerpart

tengerpart, tengerpartot,
tengerpartok, tengerpartja

univerzum

univerzum, univerzumot,
univerzumok, univerzuma

bolygó

bolygó, bolygót, bolygók, bolygója

sivatag

sivatag, sivatagot, sivatagok,
sivataga

erdő

erdő, erdőt, erdők, erdője

tó

tó, tavat, tavak, tava

folyó

folyó, folyót, folyók, folyója

szikla

szikla, sziklát, sziklák, sziklája

domb

domb, dombot, dombok, dombja

sziget

sziget, szigetet, szigetek, szigete

hegy

hegy, hegyet, hegyek, hegye

völgy

völgy, völgyet, völgyek, völgye

đại dương

biển

thời tiết

băng

tuyết

bão táp

mưa

gió

thực vật

cây

cỏ

hoa hồng

hoa

chất khí

kim loại

vàng

bạc

Bạc rẻ hơn vàng

Vàng đắt hơn bạc

ngày lễ

thành viên
người

időjárás

időjárás, időjárást, időjárások,
időjárása

tenger

tenger, tengert, tengerek, tengere

óceán

óceán, óceánt, óceánok, óceánja

vihar

vihar, vihart, viharok, vihara

hó

hó, havat, havak, hója

jég

jég, jeget, jegek, jege

növény

növény, növényt, növények,
növénye

szél

szél, szelet, szelek, szele

eső

eső, esőt, esők, esője

rózsa

rózsa, rózsát, rózsák, rózsája

fű

fű, füvet, füvek, füve

fa

fa, fát, fák, fája

fém

fém, fémet, fémek, féme

gáz

gáz, gázt, gázok, gáza

virág

virág, virágot, virágok, virága

Az ezüst olcsóbb az aragnál

ezüst

ezüst, ezüstöt, ezüstök, ezüstje

arany

arany, aranyat, aranyak, aranya

tag

tag, tagot, tagok, tagja

nyaralás

nyaralás, nyaralást, nyaralások,
nyaralása

**Az arany drágább az
ezüsthél**

khách sạn

bờ biển
cát

khách

sinh nhật

Giáng sinh

Năm Mới

Lễ Phục sinh

chú

cô

bà nội

ông nội

bà ngoại

ông ngoại

tử vong

phần mộ

ly hôn

cô dâu

chú rể

101

105

110

vendég

vendég, vendéget, vendégek,
vendége

strand

strand, strandot, strandok, strandja

szálloda

szálloda, szállodát, szállodák,
szállodája

újév

újév, újévet, újévek, újéve

Karácsony

karácsony, karácsonyt, karácsonyok,
karácsonya

születésnap

születésnap, születésnapot,
születésnapok, születésnapja

nagynéni

nagynéni, nagynénit, nagynénik,
nagynénije

nagybácsi

nagybácsi, nagybácsit, nagybácsik,
nagybácsija

húsvét

húsvét, húsvétot, húsvétek, húsvétje

nagymama

nagymama, nagymamát,
nagymamák, nagymamája

nagyapa

nagyapa, nagyapát, nagyapák,
nagyapja

nagymama

nagymama, nagymamát,
nagymamák, nagymamája

sír

sír, sírt, sírok, sírja

halál

halál, halált, halálok, halála

nagyapa

nagyapa, nagyapát, nagyapák,
nagyapja

vőlegény

vőlegény, vőlegényt, vőlegények,
vőlegénye

menyasszony

menyasszony, menyasszonyt,
menyasszonyok, menyasszonya

válás

válás, válást, válások, válása

száztíz**százöt****százegy**

151

200

202

206

220

262

300

303

307

330

373

400

404

408

440

484

500

505

509

550

595

kétszázkető

kétszáz

százötvenegy

kétszázhatvankető

kétszázhusz

kétszázhat

háromszázhet

háromszázhárom

háromszáz

négyszáz

háromszázhetvenhárom

háromszázharminc

négyszáznegyven

négyszáznyolc

négyszáznégy

ötszázöt

ötszáz

négyszáznyolcvannégy

ötszázkilencvenöt

ötszázötven

ötszázkilenc

600

601

606

616

660

700

702

707

727

770

800

803

808

838

880

900

904

909

949

990

con hổ

hatszázhat

hatszázegy

hatszáz

hétszáz

hatszázhatvan

hatszáztizenhat

hétszázhuszonhét

hétszázhet

hétszázkettő

nyolcszázhárom

nyolcszáz

hétszázhetven

nyolcszáznyolcvan

nyolcszázharmincnyolc

nyolcszáznyolc

kilencszázkilenc

kilencszáznégyszáz

kilencszáz

tigris
tigris, tigris, tigrisek, tigrise

kilencszázkilencven

kilencszáznegyvenkilenc

con chuột

con chuột cống

con thỏ

con sư tử

con lừa

con voi

con chim

con gà trống choai

con chim bồ câu

con ngựa

côn trùng

con bọ

con muỗi

con ruồi

con kiến

con cá voi

con cá mập

con cá heo

con ốc sên

con ếch

thường xuyên

nyúl

nyúl, nyulat, nyulak, nyula

patkány

patkány, patkányt, patkányok,
patkánya

egér

egér, egeret, egerek, egere

elefánt

elefánt, elefántot, elefántok,
elefántja

szamár

szamár, szamarat, szamarak,
szamara

oroszlán

oroszlán, oroszlánt, oroszlánok,
oroszlánja

galamb

galamb, galambot, galambok,
galambja

kakas

kakas, kakast, kakasok, kakasa

madár

madár, madarat, madarak, madara

bogár

bogár, bogarat, bogarak, bogara

rovar

rovar, rovar, rovarok, rovarja

liba

liba, libát, libák, libája

hangya

hangya, hangyát, hangyák, hangyája

légy

légy, legyet, legyek, legye

szúnyog

szúnyog, szúnyogot, szúnyogok,
szúnyogja

delfin

delfin, delfint, delfinek, delfinje

cápa

cápa, cápát, cápák, cápája

bálna

bálna, bálnát, bálnák, bálnája

gyakran

béka

béka, békát, békák, békája

csiga

csiga, csigát, csigák, csigája

ngay lập tức

đột ngột

mặc dù

thể dục dụng cụ

quần vợt

chạy
đanh từ

đạp xe

đánh golf

trượt băng

bóng đá

bóng rổ

bơi lội

lặn

đi bộ đường dài

Vương quốc Anh

Tây Ban Nha

Thụy sĩ

Ý

Pháp

Đức

Thái Lan

habár

hirtelen

azonnal

futás

futás, futást, futások, futása

tenisz

tenisz, teniszt, teniszek, tenisz

torna

torna, tornát, tornák, tornája

korcsolyázás

korcsolyázás, korcsolyázást,
korcsolyázások, korcsolyázása

golf

golf, golfot, golfok, golfja

kerékpározás

kerékpározás, kerékpározást,
kerékpározások, kerékpározása

úszás

úszás, úszást, úszások, úszása

kosárlabda

kosárlabda, kosárlabdát,
kosárlabdák, kosárlabdája

labdarúgás

labdarúgás, labdarúgást,
labdarúgások, labdarúgása

Egyesült Királyság

Királyság, Királyságot, -, Királysága

túrázás

túrázás, túrázást, túrázások,
túrázása

búvárkodás

búvárkodás, búvárkodást,
búvárkodások, búvárkodása

Olaszország

Olaszország, Olaszországot, -,
Olaszországa

Svájc

Svájc, Svájcot, -, Svájca

Spanyolország

Spanyolország, Spanyországot, -,
Spanyolorzága

Thaiföld

Thaiföld, Thaiföldet, -, Thaiföldje

Németország

Németország, Németországot, -,
Németországa

Franciaország

Franciaország, Franciaországot, -,
Franciaországa

Singapore

Nga

Nhật Bản

Israel

Ấn Độ

Trung Quốc

Hoa Kỳ

Mexico

Canada

Chile

Brazil

Argentina

Nam Phi

Nigeria

Ma Rốc

Libya

Kenya

Algeria

Ai Cập

New Zealand

Úc

Japán

Japán, Japánt, -, Japána

Oroszország

Oroszország, Oroszországot, -,
Oroszországa

Szingapúr

Szingapúr, Szingapúrt, -, Szingapúrja

Kína

Kína, Kínát, -, Kínája

India

India, Indiát, -, Indiája

Izrael

Izrael, Izraelt, -, Izraelje

Kanada

Kanada, Kanadát, -, Kanadája

Mexikó

Mexikó, Mexikót, -, Mexikója

Amerikai Egyesült Államok

állam, államot, államok, állama

Argentína

Argentína, Argentínát, -, Argentínája

Brazília

Brazília, Brazíliát, -, Brazíliája

Chile

Chile, Chilét, -, Chiléje

Marokkó

Marokkó, Marokkót, -, Marokkója

Nigéria

Nigéria, Nigériát, -, Nigériája

Dél-Afrika

Afrika, Afrikát, -, Afrikája

Algéria

Algéria, Algériát, -, Algériája

Kenya

Kenya, Kenyát, -, Kenyája

Líbia

Líbia, Líbiát, -, Líbiája

Ausztrália

Ausztrália, Ausztráliát, -, Ausztráliája

Új-Zéland

Új-Zéland, Új-Zélandot, -, Új-Zélandja

Egyiptom

Egyiptom, Egyiptomot, -, Egyiptoma

Châu Phi

Châu Âu

Châu Á

Châu Mỹ

mười lăm phút

nửa tiếng

bốn mươi lăm phút

1:00

2:05

3:10

4:15

5:20

6:25

7:30

8:35

9:40

10:45

11:50

12:55

một giờ sáng

hai giờ chiều

Ázsia

Ázsia, Ázsiát, -, Ázsiája

Európa

Európa, Európát, -, Európája

Afrika

Afrika, Afrikát, -, Afrikája

félóra

negyedóra

Amerika

Amerika, Amerikát, -, Amerikája

két óra múlt öt perccel

egy óra

háromnegyed óra

öt óra múlt húsz perccel

negyed öt

három óra múlt tíz perccel

nyolc óra harmincöt perc

fél nyolc

hat óra múlt huszonöt
perccel

tíz perc múlva tizenkét óra

háromnegyed tizenegy

fél tíz múlt tíz perccel

délután két óra

hajnali egy óra

öt perc múlva egy óra

tuần trước

tuần này

tuần sau

năm ngoái

năm nay

năm sau

tháng trước

tháng này

tháng sau

2014-01-01

2003-02-25

1988-04-12

1899-10-13

1907-09-30

2000-12-12

trán

nếp nhăn

cằm

má
cơ thể

râu

lông mi

jövő hét

e hét

múlt hét

jövőre

idén

tavaly

jövő hónap

e hónap

múlt hónap

ezerkilencszáznolcvannolc április
tizenkettedike

kétezerhárom február
huszonötödike

kétezertizennégy január
elseje

kétezer december
tizenkettedike

ezerkilencszázhet
szeptember harmincadika

ezernolcszázkilencvenkilenc
október tizenharmadika

áll
áll, állat, állak, állá

ránc
ránc, ráncot, ráncok, ránca

homlok
homlok, homlokot, homlokok,
homloka

szempillák
szempilla, szempillát, szempillák,
szempillája

szakáll
szakáll, szakállt, szakállak, szakállá

orca
orca, orcát, orcák, orcája

lông mày

eo

gáy

lồng ngực

ngón cái

ngón tay út

ngón tay đeo nhẫn

ngón tay giữa

ngón tay trỏ

cổ tay

móng tay

gót chân

xương sống

cơ bắp

xương
cơ thể

bộ xương

xương sườn

đốt sống

bàn quang

tĩnh mạch

động mạch

tarkó

tarkó, tarkót, tarkók, tarkója

derék

derék, derekat, derekak, dereka

szemöldök

szemöldök, szemöldököt,
szemöldököt, szemöldöke

kisujj

kisujj, kisujjat, kisujjak, kisujja

hüvelykujj

hüvelykujj, hüvelykujjat,
hüvelykujjak, hüvelykujja

mellkas

mellkas, mellkast, mellkasok,
mellkasa

mutatóujj

mutatóujj, mutatóujjat, mutatóujjak,
mutatóujja

középső ujj

középső ujj, középső ujjat, középső
ujjak, középső ujjja

gyűrűsujj

gyűrűsujj, gyűrűsujjat, gyűrűsujjak,
gyűrűsujja

sarok

sarok, sarkot, sarkok, sarka

köröm

köröm, körmet, körnök, körme

csukló

csukló, csuklót, csuklók, csuklója

csont

csont, csontot, csontok, csontja

izom

izom, izmot, izmok, izma

gerinc

gerinc, gerincet, gerincek, gerince

csigolya

csigolya, csigolyát, csigolyák,
csigolyája

borda

borda, bordát, bordák, bordája

csontváz

csontváz, csontvázat, csontvázak,
csontváza

artéria

artéria, artériát, artériák, artériája

véna

véna, vénát, vénák, vénája

húgyhólyag

húgyhólyag, húgyhólyagot,
húgyhólyagok, húgyhólyaga

âm đạo

tinh trùng

dương vật

tinh hoàn

mộng nước

cay

mặn

sống
tính từ

lược

nhút nhát

tham lam

ngghiêm khắc

điếc

pénisz

pénisz, péniszt, péniszek, pénisze

sperma

sperma, spermát, spermák,
spermája

hüvely

hüvely, hüvelyt, hüvelyek, hüvelye

csípős

szaftos

here

here, herét, herék, heréje

főtt

nyers

sós

szigorú

kapzsi

félénk

süket